

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác
Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 909/TTr-TNMT ngày 14/11/2016 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 201/BC-STP ngày 28/10/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 háng 12 năm 2016.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND Tỉnh,
- Lưu: VT QLDD1,

15 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu

QUY CHẾ

Quản lý vận hành và khai thác hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3889/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, cập nhật và khai thác sử dụng hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

UBND các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các cơ quan chuyên môn về Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hệ thống thông tin đất đai: Là hệ thống bao gồm một phần hoặc toàn bộ các thành phần phần cứng (máy tính và thiết bị ngoại vi, hệ thống mạng, thiết bị lưu trữ, thiết bị an toàn an ninh), phần mềm, cơ sở dữ liệu đất đai để xử lý, lưu trữ, phân phối thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai, công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, tổ chức và nhu cầu của người sử dụng đất. Dữ liệu của hệ thống thông tin đất đai có thể bao gồm dữ liệu gốc và các dữ liệu từ nguồn khác.

2. Dữ liệu: Là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

3. Dữ liệu đất đai: Là thông tin về thửa đất, người sử dụng đất, loại sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất, giá đất, kiểm kê, thống kê đất đai, chất lượng đất được thể hiện dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự.

4. Chia sẻ dữ liệu: Là hoạt động làm cho dữ liệu có sẵn được sử dụng lại bởi các đối tượng sử dụng khác.

Chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước là hoạt động cung cấp dữ liệu của một cơ quan, tổ chức đã được thu thập, tạo ra (dữ liệu này có thể là dữ liệu gốc hoặc không phải là dữ liệu gốc) cho các cơ quan, tổ chức khác để sử dụng lại. Các cơ quan nhà nước có thể chia sẻ dữ liệu cho nhau theo các hình thức khác nhau như: Cung cấp tệp dữ liệu điện tử, chuyển dữ liệu điện tử giữa các hệ thống thông tin theo thẩm quyền.

5. Cơ sở dữ liệu đất đai: Là tập hợp thông tin có cấu trúc của dữ liệu đất đai được sắp xếp, tổ chức để truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thường xuyên thông qua hệ thống thông tin đất đai.

6. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: Là tập hợp thiết bị (máy chủ, máy trạm), thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng.

7. Phần mềm hệ thống thông tin đất đai: Là hệ thống phần mềm ứng dụng phải được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định cho phép sử dụng tại các địa phương.

Điều 4. Mô hình triển khai hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh

Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh được xây dựng và triển khai để quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Ninh theo mô hình tập trung tại cấp tỉnh, cụ thể như sau:

1. Cơ sở dữ liệu đất đai được lưu trữ, quản lý thống nhất tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Quảng Ninh;

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh thông qua mạng diện rộng (WAN) để khai thác, cập nhật thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh;

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh thông qua mạng diện rộng (WAN) để khai thác, cập nhật thông tin đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định;

4. UBND các xã, phường, thị trấn nơi có điều kiện công nghệ thì truy cập vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh thông qua mạng diện rộng (WAN) hoặc mạng Internet để khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý đất đai ở địa phương;

5. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh thông qua mạng diện rộng (WAN) để cung cấp, khai thác thông tin phục vụ yêu cầu công tác tại địa phương;

6. Các tổ chức khác và cá nhân có nhu cầu sử dụng thông tin thì tra cứu thông tin qua cổng thông tin đất đai (Portal).

Điều 5. Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh

Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh gồm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đất đai; hệ thống phần mềm hệ điều hành, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu đất đai Tỉnh.

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đất đai phải bảo đảm vận hành theo mô hình tại Điều 4 của Quy định này và các quy định sau đây:

a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đất đai bao gồm hệ thống các máy chủ, hệ thống lưu trữ, thiết bị mạng, máy trạm, thiết bị ngoại vi và các thiết bị hỗ trợ khác;

b) Hạ tầng mạng kết nối sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, mạng diện rộng ngành tài nguyên và môi trường hoặc mạng truyền số liệu do các nhà dịch vụ cung cấp; trong đó ưu tiên sử dụng

mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước trong tỉnh.

2. Hệ thống phần mềm phải bảo đảm theo thiết kế tổng thể của hệ thống thông tin đất đai được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và cho phép sử dụng đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm nhập liệu, quản lý, cập nhật được thuận tiện đối với toàn bộ dữ liệu đất đai;

b) Bảo đảm yêu cầu bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu trong việc cập nhật, chỉnh lý dữ liệu đất đai; bảo đảm việc phân cấp chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong cơ sở dữ liệu;

c) Thể hiện thông tin đất đai theo hiện trạng và lưu giữ được thông tin biến động về sử dụng đất trong lịch sử;

d) Thuận tiện, nhanh chóng, chính xác trong việc khai thác các thông tin đất đai.

3. Cơ sở dữ liệu đất đai bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật về đất đai;

b) Cơ sở dữ liệu địa chính;

c) Cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất đai;

d) Cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

đ) Cơ sở dữ liệu giá đất;

e) Cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai;

g) Cơ sở dữ liệu về thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai;

h) Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến đất đai.

Cơ sở dữ liệu địa chính là thành phần cơ bản của cơ sở dữ liệu đất đai, làm cơ sở để xây dựng và định vị không gian các cơ sở dữ liệu thành phần khác.

4. Nội dung, cấu trúc và kiểu thông tin cơ sở dữ liệu đất đai.

Nội dung, cấu trúc, kiểu thông tin của cơ sở dữ liệu địa chính, quy hoạch sử dụng đất, cơ sở dữ liệu giá đất và cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai thực hiện theo quy định kỹ thuật về chuẩn dữ liệu địa chính, chuẩn dữ liệu quy hoạch sử dụng đất, chuẩn dữ liệu giá đất và chuẩn dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

Chương II

THIẾT LẬP VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 6. Thiết lập và hướng dẫn vận hành hệ thống thông tin đất đai

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh, hướng dẫn cho các đơn vị có liên quan vận hành, cập nhật thông tin cho hệ thống.

1. Thiết lập hệ thống thông tin đất đai theo đúng mô hình triển khai đã được phê duyệt, hướng dẫn các đơn vị có liên quan đưa hệ thống vào vận hành

khai thác:

a) Thiết lập hạ tầng bao gồm hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống cơ sở dữ liệu theo đúng mô hình triển khai đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức đào tạo, triển khai hướng dẫn sử dụng hệ thống cho các đơn vị có liên quan đến vận hành khai thác hệ thống thông tin đất đai.

2. Thiết lập cơ sở dữ liệu ban đầu cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh:

a) Tổ chức kiểm tra các cơ sở liệu theo đơn vị hành chính cấp xã do các đơn vị tư vấn thi công xây dựng. Yêu cầu các đơn vị làm nhiệm vụ xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu theo đơn vị hành chính cấp xã phải có trách nhiệm kiểm tra, rà soát lại toàn bộ thông tin đã được phát hiện, chỉnh sửa và cập nhật vào hiện trạng hồ sơ địa chính trước khi nhập chính thức vào cơ sở dữ liệu đất đai.

b) Tổ chức tích hợp các cơ sở dữ liệu cấp xã thành cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện (Quy chủ, ghép biên các xã), trước khi chuyển đổi vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh.

c) Ngay sau khi cập nhật vào cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh, phải tổ chức đưa hệ thống vào vận hành, đảm bảo các biến động tiếp theo được thực hiện trực tiếp trên hệ thống cơ sở dữ liệu cấp tỉnh thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng.

Điều 7. Đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an ninh, an toàn hệ thống

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan tổ chức vận hành hệ thống đảm bảo tính ổn định thường xuyên, liên tục đảm bảo an ninh hệ thống, an toàn dữ liệu.

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm duy trì hệ thống máy chủ, đường truyền được vận hành ổn định, thông suốt, đảm bảo an ninh an toàn mức vật lý đối với hệ thống thông tin đất đai.

a) Đảm bảo hệ thống máy chủ được hoạt động ổn định, thường xuyên, liên tục;

b) Đảm bảo đường truyền kết nối từ Trung tâm Tích hợp dữ liệu tới các đơn vị sử dụng hệ thống được hoạt động thông suốt, ổn định, liên tục;

c) Đảm bảo an ninh dữ liệu, an toàn hệ thống mức vật lý;

d) Đảm bảo an toàn công tác phòng cháy chữa cháy và các biện pháp phòng ngừa khác để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho phòng hệ thống máy chủ cơ sở dữ liệu;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý các sự cố trong quá trình vận hành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm đảm bảo hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu đất đai được vận hành ổn định, thông suốt, đảm bảo an ninh an toàn dữ liệu:

a) Đảm bảo cơ sở dữ liệu đất đai và hệ thống phần mềm được hoạt động ổn định, thường xuyên, liên tục;

b) Tổ chức phân quyền truy cập dữ liệu, sử dụng các chức năng của hệ thống phần mềm cho các cơ quan đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật;

c) Tổ chức sao lưu dữ liệu định kỳ hoặc đột xuất để phòng tránh trường hợp sai, hỏng, mất dữ liệu trong quá trình quản lý, sử dụng.

d) Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống, bằng mọi biện pháp phối hợp với các đơn vị liên quan khắc phục sự cố, đưa hệ thống vận hành trở lại trong thời gian sớm nhất;

đ) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành nâng cấp, bảo trì hệ thống thông tin đất đai khi có nhu cầu.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh được phép sử dụng hệ thống thông tin đất đai có trách nhiệm vận hành hệ thống theo đúng quy định, đảm bảo an ninh an toàn dữ liệu và tính bảo mật của hệ thống:

a) Chỉ sử dụng hệ thống thông tin đất đai, truy xuất dữ liệu từ hệ thống thông tin đất đai trong phạm vi cho phép và phục vụ vào các mục đích theo đúng quy định.

b) Ban hành các quy tắc hành chính trong nội bộ đơn vị về các bí mật, hoạt động liên quan đến hệ thống thông tin đất đai trong phạm vi được phân công của đơn vị. Quy định rõ trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân trong các trường hợp xảy ra mất dữ liệu, hỏng hóc hệ thống hoặc lộ thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan khắc phục sự cố trong quá trình vận hành, đưa hệ thống vận hành trở lại trong thời gian sớm nhất.

Điều 8. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai

Việc thực hiện cập nhật dữ liệu cho hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Ninh được thực hiện theo điều 16 thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật dữ liệu biến động đối với các thửa đất, các loại dữ liệu khác liên quan đến đất đai: Quy hoạch sử dụng đất, giá đất, hiện trạng sử dụng đất, thống kê đất đai... theo phân cấp hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, và quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật dữ liệu biến động đối với các thửa đất do cá nhân, hộ gia đình sử dụng, các thông tin về quy hoạch cấp huyện, hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, thống kê đất đai cấp huyện và các loại dữ liệu khác liên quan đến đất đai theo phân cấp hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, và quy định của pháp luật

3. Các cơ quan quản lý nhà nước khác trên địa bàn tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng... chịu trách nhiệm cập nhật các loại dữ liệu khác liên quan đến đất đai theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm kiểm duyệt dữ liệu được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kiểm duyệt các thông tin được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh và đảm nhiệm bảo lưu vết (log) hệ thống của toàn bộ các quá trình cập nhật dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu cấp tỉnh. Là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh.

2. Các đơn vị trực tiếp cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu chịu trách nhiệm liên quan đối với các phần dữ liệu được phân công cập nhật.

Chương III

KHAI THÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẤT ĐAI

Điều 10. Nguyên tắc quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai

Việc khai thác hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;
2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;
3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;
4. Bảo đảm tính cập nhật, đầy đủ và có hệ thống;
5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;
6. Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính;
7. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 11. Các hình thức khai thác thông tin từ hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh

Việc khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Truy xuất trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng ELIS trên hạ tầng mạng LAN, WAN, hoặc hệ thống mạng chuyên dùng: Dành cho các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, các UBND các huyện/thành phố trực thuộc tỉnh (văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất), nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh.

2. Khai thác thông tin trên mạng Internet, được thực hiện thông qua Cổng thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh; Phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh như: Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, Cục Thuế, Ngân hàng... có nhu cầu khai thác chia sẻ thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai

cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ cấp tài khoản và phân quyền khai thác cho các cơ quan); Phục vụ nhu cầu khai thác thông tin đất đai của người dân, cá nhân, tổ chức xã hội.

3. Cung cấp thông tin thông qua hệ thống tổng đài nội dung số: Nhằm phục vụ việc cung cấp thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh cho các cá nhân tổ chức có nhu cầu.

Điều 12. Nội dung thông tin được khai thác, cung cấp từ hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh

Tùy theo đối tượng khai thác thì nội dung thông tin được cung cấp từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh phải phù hợp với quy định của pháp luật:

1. Đối tượng khai thác là các cơ quan chuyên môn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, các văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, cán bộ định chính các xã, phường, thị trấn: Nội dung thông tin được khai thác theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của pháp luật.

2. Đối tượng khai thác là các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh: Nội dung thông tin được khai thác theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền được UBND tỉnh quy định.

3. Đối với đối tượng khai thác là các cá nhân, tổ chức trong và ngoài tỉnh: Nội dung thông tin được cung cấp theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND, HĐND tỉnh.

Điều 13. Quy định về phí và lệ phí đối với các nội dung thông tin được khai thác, cung cấp từ hệ thống thông tin đất đai cấp tỉnh

Các tổ chức và cá nhân khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh phải nộp phí khai thác thông tin đất đai theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

1. Các đối tượng khai thác là các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh được khai thác miễn phí thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh để phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước theo nội dung thông tin và hình thức quy định tại điều 12 và điều 13 của quy chế này.

2. Các đối tượng khai thác cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh phải trả phí, lệ phí khai thác thông tin đất đai theo quy định. Nội dung thông tin và hình thức khai thác theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 của quy chế này. Mức thu cụ thể đối với từng nội dung thông tin và hình thức khai thác theo quy định của HĐND và UBND tỉnh.

Điều 14. Phối hợp cung cấp nội dung thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh.

1. Các đối tượng khai thác thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh theo nội dung và hình thức được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của quy chế này chỉ được sử dụng theo đúng mục đích, nghiêm cấm cung cấp lại cho bên thứ 3 mà chưa được phép của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức cung cấp thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu dưới nhiều hình thức đa dạng hơn, thuận tiện hơn và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 15. Kinh phí quản lý, duy trì, hoạt động của hệ thống thông tin đất đai tỉnh.

1. Kinh phí duy trì hoạt động của hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh được cân đối trong dự toán chi ngân sách của Sở Tài nguyên và Môi trường và các nguồn thu và huy động khác (nếu có).

2. Hàng năm các đơn vị có liên quan trình kế hoạch và dự toán chi tiết cho việc bảo trì, duy trì vận hành và cập nhật dữ liệu cho hệ thống trình chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch và dự toán chi tiết cho việc cập nhật, sao lưu dữ liệu, bảo trì và duy trì vận hành hệ thống;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện/thành phố trực thuộc tỉnh lập kế hoạch và dự toán chi tiết cho việc cập nhật dữ liệu và vận hành hệ thống thuộc phạm vi của địa phương;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước khác trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các loại dữ liệu liên quan đến đất đai lập kế hoạch và dự toán chi tiết đối với phần việc được phân công thực hiện;

d) Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện, tổng hợp kế hoạch và dự toán công tác bảo trì, duy trì vận hành và cập nhật dữ liệu cho hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ninh trình chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

Điều 16. Hướng dẫn thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này;

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn và phối hợp Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thi hành Quy chế này trên địa bàn tỉnh.

Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định;

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các cơ quan có

liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh căn cứ trực năng nhiệm vụ được giao và quy chế này để quản lý, vận hành và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Ninh.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Đặng Huy Hậu